

Bản án số: **175 /2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **31/10/2018**

V/v: *“Chia tài sản chung sau ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ NAM HOA**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **LƯU VĂN CỐ**

2/ Bà **VÕ THỊ BÒI**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*

Bà **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*

Bà **LÊ ÁNH DƯƠNG** - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 216/2014/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2014 về việc *“Chia tài sản chung sau ly hôn”*; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/10/2018; giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà **Lâm Thúy P** - Sinh năm 1977

ĐKTT: 28^B/6 Võ Thị , phường P, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Chỗ ở: 1/5 Nguyễn Thiện , phường L, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Bà Phương có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Luật sư **Phạm Phổ T** - Văn phòng Luật sư Kim Ngân - Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. (Rút yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn).

* **Bị đơn:** Ông **Đặng Hữu M** - Sinh năm 1972

Địa chỉ: 28^B/6 Võ Thị , phường Phước L, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **Đỗ Xuân T** và bà **Cần Thị Q**

Cùng địa chỉ: 55 Quang Tr, phường L, Tp. Nha Trang

2/ Ông **Đặng Hữu T**, bà **Nguyễn Thị T**

Cùng địa chỉ: Thôn Thái H, xã Bình P, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội

Xin xét xử vắng mặt

3/ **Cửa hàng Anh Đ**

Địa chỉ: 69 đường 2/4, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

4/ Ông **Phạm Mạnh C**

Địa chỉ: 5510 tầng 5 chung cư CT6 Vĩnh Diêm Trung, xã Vĩnh Hiệp, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

5/ **DNTN Nguyễn B**

Địa chỉ: Số 3 Quang Trung, phường Lộc Thọ, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Xin xét xử vắng mặt.

6/ Bà **Nguyễn Thị B**

Địa chỉ: 28B Võ Thị Sáu, phường Phước Long, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

7/ Ông **Phùng Khắc T**

Địa chỉ: Số 8 dãy D khu tập thể 363 Lê Hồng Phong, phường Phước Long, Tp. Nha Trang

8/ Ông **Ngô Đình T**

Địa chỉ: Thôn Phú Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội

9/ Bà **Nguyễn Thị Bích N**

Địa chỉ: 28^B/6 Võ Thị Sáu, Phước Long, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

10/ **UBND thành phố Nha Trang**

Địa diện theo ủy quyền: Ông **Lê Huy T** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang

Địa chỉ: 42 Lê Thánh Tôn, Tp. Nha Trang

Các ông, bà có tên nêu trên đều vắng mặt tại phiên tòa.

* **Người làm chứng:**

1/ Ông **Nguyễn Hữu T**

Địa chỉ: Thôn Phú Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội

2/ Bà **Đặng Thị B**

Địa chỉ: Thôn Phú Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội

3/ Ông **Đặng Hữu Th**

Địa chỉ: Thôn Thái Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Tp. Hà Nội

Các ông, bà có tên nêu trên đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Lâm Thúy P trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải:

Tôi và ông Đặng Hữu M ly hôn với nhau theo Quyết định thuận tình ly hôn số 498/2011/HNGĐ - QĐST ngày 05/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang. Khi ly hôn khối tài sản chung của chúng tôi Tòa án chưa giải quyết. Nay tôi yêu cầu Tòa buộc ông M phải chia cho tôi $\frac{1}{2}$ khối tài sản là nhà đất tọa lạc tại số 28^B/6 Võ Thị S, phường Phước L, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tôi xin nhận nhà đất và thanh toán lại cho ông M.

Ngoài tài sản tranh chấp nêu trên tôi không tranh chấp tài sản nào khác.

Bị đơn, ông Đặng Hữu M trình bày theo tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ: Thống nhất như lời trình bày của bà Lâm Thúy P, ông M đồng ý chia đôi tài sản là nhà và đất nêu trên, ông M xin được nhận nhà và giao tiền cho bà P.

Ngoài ra, ông M còn yêu cầu giải quyết khoản nợ chung sau ly hôn gồm:

Nợ ông Đỗ Xuân T và bà Cấn Thị Q số tiền 386.480.000 đồng; Ông Đặng Hữu T và bà Nguyễn Thị T số tiền 174.000.000 đồng; Cửa hàng Anh Đ số tiền 10.000.000 đồng; DNTN Nguyễn B số tiền 11.500.000 đồng; Bà Nguyễn Thị B số tiền 30.000.000 đồng; Ông Phùng Khắc Tr số tiền 20.000.000 đồng; Ông Ngô Đình T số tiền 7.500.000 đồng; Ông Phạm Mạnh C số tiền 4.500.000 đồng; Cửa hàng Hồng L số tiền 4.500.000 đồng; Xưởng mộc Gia Th số tiền 9.000.000 đồng; Cửa hàng Bi Th số tiền 15.000.000 đồng. Tôi yêu cầu bà P trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ chung đã kê khai ở trên.

Ông M đã nhận được thông báo về việc yêu cầu cung cấp địa chỉ của cửa hàng Hồng L; Cửa hàng Bi Th và Xưởng mộc Gia Th. Tuy nhiên, ông M không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lâm Thúy P khởi kiện về việc chia tài sản chung sau ly hôn là nhà và đất tại: 28^B/6 Võ Thị S, Phước L, Tp. Nha Trang thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Năm 2014, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý vụ án trên theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là vụ án dân sự. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2017 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên HĐXX thay đổi quan hệ pháp luật thụ lý vụ án về Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về nguồn gốc nhà đất:* Nguồn gốc toàn bộ nhà đất tọa lạc tại số 28^B/6 Võ Thị S, Phước L, Tp. Nha Trang do ông Đặng Hữu M và bà Lâm Thúy P tạo lập, nhà đất chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở. Ông M và bà P đã quản lý sử dụng nhà đất ổn định, lâu dài. Đến năm 2011, ông M và bà P ly hôn tài sản chung vợ chồng chưa chia nên cần xác định phần đất có diện tích 51.9m² và nhà có diện tích sử dụng là 51,9m², có gác lửng gỗ diện tích 28m² là tài sản chung của ông M và bà P.

- *Về yêu cầu thanh toán nợ chung của ông M:* Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông M không thực hiện nghĩa vụ nêu trên. Vì vậy, Tòa án không tiến hành thụ lý yêu cầu của ông M. Ngoài ra, các tài liệu liên quan đến yêu cầu giải quyết nợ chung của ông M đều là bản photo không phải bản chính cũng không được chứng thực nên không có cơ sở để xem xét.

- *Về yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Xuân T và bà Cấn Thị Q* đề nghị Tòa án buộc bà Lâm Thúy P và ông Đỗ Xuân M trả số tiền nợ là 386.480.000 đồng. Quá trình tiến tố tụng qua biên bản xác minh thể hiện ông Th và bà Q có mặt tại địa phương, có hộ khẩu thường trú tại số 55 Quang T, phường Lộc Th, Tp. Nha Trang nhưng Tòa án thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, ông bà đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành lập biên bản về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về việc yêu cầu ông M, bà P trả nợ. Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu trên nhưng ông bà không thực hiện. Vì vậy, Tòa án không thụ lý yêu cầu trên của ông bà và không có cơ sở để giải quyết.

- *Về khoản tiền 174.000.000 đồng ông Đặng Hữu Th và bà Nguyễn Thị T* cho rằng ông Đặng Hữu M và bà Lâm Thúy P cùng vay nợ ông bà nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện có việc bà P cùng ông M vay số tiền trên. Mặt khác, qua lời khai của người làm chứng bà Đặng Thị B là người trực tiếp chuyển tiền và ông Đặng Hữu T là người biết việc cho vay trên thì chỉ có ông M là người đề nghị ông Th, bà T cho vay. Ngày 06/8/2018 Tòa án có thông báo cho ông bà nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu trên, nhưng ông bà không thực hiện. Vì vậy không có cơ sở để giải quyết.

- *Về yêu cầu của cửa hàng Anh Đ* đối với số tiền 10.000.000 đồng; DNTN Nguyễn B đối với số tiền 11.500.000 đồng; Bà Nguyễn Thị B đối với số tiền 30.000.000 đồng; Ông Phùng Khắc T đối với số tiền 20.000.000 đồng; Ông Ngô Đình T đối với số tiền 7.500.000 đồng, về việc yêu cầu ông M bà P trả nợ số tiền trên. Tòa án đã ban hành công văn yêu cầu

các đương sự cung cấp chứng cứ về việc ông M và bà P đã nợ số tiền trên nhưng các đương sự không cung cấp. Vì vậy, không có cơ sở để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu của ông Phạm Mạnh C: Không yêu cầu ông M và bà P trả số tiền 4.500.000 đồng nên không xem xét.

- Bà Nguyễn Thị Bích N kết hôn với ông Đặng Hữu M vào năm 2013 và sống tại đại chỉ 28^B/6 Võ Thị S, phường Phước L, Nha Trang. Đến năm 2017, bà N và ông M ly hôn. Trong quá trình chung sống bà N có vay tiền để sửa chữa căn nhà trên nhưng không yêu cầu nên không xem xét.

Quá trình tiến hành tố tụng bà Lâm Thúy P không đồng ý yêu cầu của ông Đặng Hữu M về số nợ chung của vợ chồng vì bà P cho rằng bà không vay nợ những người mà ông M đã liệt kê cũng như không biết về việc vay nợ tiền của ông Th, bà Q cho nên bà không có nghĩa vụ phải trả những khoản nợ nói trên.

Vì phần nhà đất tọa lạc tại 28^B/6 Võ Thị S, phường Phước L, Tp. Nha Trang là tài sản chung của vợ chồng chưa chia sau ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia đôi mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về thanh toán tài sản và nhận hiện vật: Toàn bộ nhà đất tại 28^B/6 Võ Thị S, phường Phước L, Nha Trang chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở. Qua các lời khai, biên bản hòa giải, chứng cứ có trong hồ sơ bà P và ông M đều xin nhận nhà, đất nêu trên. Xét hiện nay bà P đang nuôi hai con nhỏ, ngoài ra không còn chỗ ở nào khác nên Hội đồng xét xử giao cho bà P sở hữu toàn bộ nhà đất tại 28^B/6 Võ Thị S, phường Phước L, Nha Trang có tổng diện tích 51.9m², có gác lửng gỗ diện tích 28m² là phù hợp với quy định của pháp luật. Như vậy, tổng giá trị nhà đất tranh chấp nêu trên có giá trị theo biên bản định giá tài sản ngày 22/8/2018 của Hội đồng định giá, cụ thể:

+ Về đất: 8.000.000đ x 51.9m² = 415.200.000đ

+ Về nhà: 1.760.000đ + 267.000đ (nền gạch men) x 51.9m² x 50% = 52.600.650đ

Gác lửng gỗ: 503.000đ x 28m² x 50% = 7.042.000đ

Tổng giá trị nhà, đất: 474.842.650đ

Bà P nhận nhà đất nên phải thanh toán cho ông M số tiền 474.842.650 : 2 = 237.421.325đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi một ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

[3] Về án phí: Bà P và ông M phải chịu án phí trên số tiền được nhận theo quy định của pháp luật, cụ thể: Bà P và ông M phải chịu 237.421.325đ x 5% = 11.871.066đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng** khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 38 **Luật Hôn nhân và gia đình**;

- **Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

* *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lâm Thúy P về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn” với ông Đặng Hữu M phần nhà đất tọa lạc tại số 28^B/6 Võ Thị S, phường Phước L, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

1a. Giao cho bà Lâm Thúy P sở hữu toàn bộ phần nhà đất có diện tích 51.9m² và gác lửng gỗ có diện tích 28m² trên phần diện tích đất 51.9m² tọa lạc tại số 28^B/6 Võ Thị S, phường Phước L, Tp. Nha Trang (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

Bà Lâm Thúy P có nghĩa vụ liên hệ các cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo quy định của pháp luật

1b. Bà Lâm Thúy P phải thanh toán cho ông Đặng Hữu M số tiền 237.421.325đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi một ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng).

2. Về án phí: Ông Đặng Hữu M phải nộp 11.871.066đ án phí HNGĐ - ST. Bà Lâm Thúy P phải nộp 11.871.066đ án phí HNGĐ - ST nhưng được trừ vào số tiền 6.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/0008379 ngày 22/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà P còn phải nộp 5.871.066đ án phí HNGĐ - ST.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND TP Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND phường Phước Long, Nha Trang
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nam Hoa